

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2024/HNGĐ-ST

Ngày 10 - 7 - 2024

V/v hôn nhân gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và bà Vũ Thị Dinh.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Ông
Đỗ Xuân Long - Kiểm sát viên.*

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 51/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2024/QĐ – HPT ngày 25/6/2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị Đào Thị G sinh năm 1982; nơi cư trú: số B V, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Nơi tạm trú: Nhà không số, tổ A, ấp D, xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Anh Phạm Văn S, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện T, tỉnh Thái Bình.

(Vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo và đơn xin vắng mặt nguyên đơn chị Đào Thị G trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn S tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 04/3/2015. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường đến đầu năm 2017 phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng không hiểu và thông cảm cho nhau, thường xuyên cãi vã dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên bảo hòa giải nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay không

còn quan tâm đến nhau, anh S đi nơi khác ở chị không rõ địa chỉ cụ thể nhưng vẫn có những hành vi gây sự với gia đình chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục cùng nhau chung sống nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh S.

- Về con chung: Chị và anh S có 01 con chung là Phạm Gia H sinh ngày 12/11/2015. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về chia tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh S đã biết việc chị xin ly hôn nhưng cố tình không có văn bản trình bày ý kiến để gây khó khăn cho chị vì vậy chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và cho chị được vắng mặt tại phiên tòa.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/5/2024 bà Nguyễn Thị H1, là mẹ đẻ của anh Phạm Văn S trình bày:*

Anh Phạm Văn S đang cư trú cùng bà và gia đình tại thôn A, xã A, tuy nhiên anh S thường xuyên đi làm ăn xa, ít khi có mặt ở nhà, anh S chỉ về nhà vào các dịp lễ tết, khi nhà có công việc. Lần gần nhất anh S về nhà là vào đầu tháng 4 năm 2024. Sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập của Tòa án, bà đã nhờ người gọi điện thông báo việc chị G xin ly hôn cho anh S, tuy nhiên anh S không nói cho bà biết quan điểm của anh S về việc chị G xin ly hôn anh. Về nguyên nhân vợ chồng anh chị mâu thuẫn dẫn đến việc ly hôn, bà không được biết, bà chỉ biết vợ chồng anh chị đã mâu thuẫn và có ý định xin ly hôn từ năm 2020.

Về con chung: Anh S và chị G có một con chung là Phạm Gia H2, sinh ngày 12/11/2015. Bà không biết quan điểm của anh S về con chung như thế nào, không biết về tài sản chung của anh S, chị G.

** Tại biên bản xác minh ngày 24/5/2024, UBND xã A cung cấp như sau: Anh Phạm Văn S, sinh năm 1983; nơi cư trú thôn A, xã A, huyện T, tỉnh Thái Bình. Tại thời điểm xác minh, anh S không có mặt tại địa phương, theo địa phương được biết anh S đang lao động tự do tại miền N, không có địa chỉ cụ thể, không xin tạm vắng, tạm trú. Về hôn nhân, sau khi kết hôn anh S và chị G ít khi chung sống tại địa phương nên địa phương không nắm rõ lý do vợ chồng anh S mâu thuẫn.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là từ bỏ quyền của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật: áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị Quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Đào Thị G ly hôn anh Phạm Văn S; Về quan hệ con chung: Giao cho chị Đào Thị G trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Gia H2, sinh ngày 12/11/2015; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và các bên được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Phạm Văn S có nơi cư trú tại xã A, huyện T, tỉnh Thái Bình, căn cứ Điều 28, Điều 35 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Anh Phạm Văn S đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Chị G vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị G và anh Phạm Văn S tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 04/3/2015. Tại thời điểm kết hôn, hai bên đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống cùng nhau đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp. Anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, chị G giữ nguyên quan điểm xin ly hôn, anh S không có văn bản trình bày quan điểm. Mặt khác, anh S không đến Tòa án để trình bày quan điểm và hòa giải chứng tỏ anh S không tha thiết việc đoàn tụ với chị G. Từ những căn cứ trên, HĐXX thấy rằng tình trạng hôn nhân của chị G và anh S đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị G được ly hôn anh S là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị G và anh S có một con chung Phạm Gia H2, sinh ngày 12/11/2015. Hiện nay cháu H2 đang ở cùng chị G. Ly hôn, chị G thể hiện quan điểm đề nghị Tòa án giao cho chị G được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Cháu H2 có nguyện vọng ở với mẹ. Xét thấy từ khi ly thân đến nay, chị G trực tiếp nuôi dưỡng con chung và chứng minh được: Sức khỏe con chung phát triển tốt, toàn diện, hiện cháu đang đi học và đã được nhà trường, chính quyền nơi chị G đang cư trú xác nhận. Vì vậy, để tránh sự xáo trộn tâm lý do thay đổi môi trường sống và vì lợi ích mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng giao con chung cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung, các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị G và anh S không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải

quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án chị G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị G và anh S có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Đào Thị G ly hôn anh Phạm Văn S.

2. *Về con chung:* Ly hôn giao cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng Phạm Gia H2, sinh ngày 12/11/2015. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị G. Anh S có quyền thăm nom chăm sóc con chung. Anh S, chị G có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. *Về chia tài sản chung:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Đào Thị G phải chịu 300.000 đồng. Đối trừ số tiền 300.000 đồng chị G đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004129 ngày 12 tháng 4 năm 2024 sang tiền án phí, chị G đã thi hành xong.

5. *Về quyền kháng cáo:* Chị Đào Thị G và anh Phạm Văn S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Thái Thụy.
- VKSND tỉnh Thái Bình.
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy.
- UBND phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.
- TAND tỉnh Thái Bình.
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Vương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

